

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHỤNG HIỆP
TỈNH HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 83/2024/HS-ST
Ngày 06 - 12 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hữu Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Công Điện;
Ông Nguyễn Văn Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Cẩm Giang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Hồ Bảo Quốc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 90/2024/TLST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2024/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 11 năm 2024, đối với bị cáo:

Phạm Phước T, tên gọi khác: Mộng Lành, sinh ngày 09 tháng 01 năm 1982; nơi sinh: Huyện C, tỉnh An Giang; nơi cư trú: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Phước L, và bà Nguyễn Thị Tuyết N; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: 01 tiền án (ngày 27/9/2014, bị Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 09 tháng tù về Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, đã chấp hành xong hình phạt tù, án phí hình sự sơ thẩm chưa chấp hành); tiền sự: 01 tiền sự (ngày 22/12/2021, bị Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc từ ngày 22/12/2021 đến ngày 09/6/2023, chấp hành xong ngày 09/6/2023); nhân thân: Đã từng có 02 tiền án đã được xóa án tích (ngày 25/5/2007 bị Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xử phạt 01 năm tù về Tội trộm cắp tài sản; ngày 08/4/2009 bị Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ xử phạt 02 năm tù về Tội trộm cắp tài sản); bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 26 tháng 11 năm 2023 cho đến nay. Có mặt.

- Bị hại:

1. Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1959

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

2. Lâm Ngọc Đ, sinh năm 1961

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

3. Cao Hồng S1, sinh năm 1972

Địa chỉ: Số A, đường B, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

4. Nguyễn Văn H, sinh năm 1969

Địa chỉ: Số A, đường B, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Lưu Huệ L1, sinh năm 1963

Địa chỉ: Số B, đường T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

2. Nguyễn Dũng T1, sinh năm 1996

Địa chỉ: Số F, đường số F, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Để có tiền để tiêu xài cá nhân, Phạm Phước T lên mạng đặt mua các loại vàng giả, sau đó đến các tiệm vàng, tiệm cầm đồ để cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân. Trong các ngày 19 và 20 tháng 11 năm 2023, T thực hiện 02 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn tỉnh Hậu Giang và thành phố Cần Thơ cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 07 giờ ngày 19 tháng 11 năm 2023, T thuê xe taxi đi từ nhà nghỉ B (số C, đường H, Khu V, Phường T, quận B, thành phố Cần Thơ) đến tiệm V, thuộc ấp L, xã L, huyện P, tỉnh Hậu Giang để cầm sợi dây chuyền màu vàng, ký hiệu *K.H* 610 (vàng giả). Tại đây, T gặp bà Lâm Ngọc Đ (là chủ tiệm vàng) và đưa sợi dây chuyền cho bà Đ cân, thử vàng xong và nói trọng lượng 1,8 lượng. Sau đó, bà Đ hỏi T cầm bao nhiêu, T nói cầm số tiền 50.000.000 đồng thì bà Đ đồng ý, bà Đ ghi biên lai cầm đồ và đưa cho T số tiền 50.000.000 đồng. Sau khi lấy được số tiền 50.000.000 đồng, T quay về nhà nghỉ B, số tiền đã chiếm đoạt T tiêu xài cá nhân.

Đến ngày 25 tháng 11 năm 2023, ông Nguyễn Ngọc S (là chồng bà Đ) kiểm tra sợi dây chuyền thì phát hiện là vàng giả nên đến Công an xã L, huyện P

trình báo sự việc và giao sợi dây chuyền cho Công an xã L (sợi dây chuyền màu vàng, ký hiệu *K.H* 610 để trong gói thuốc lá điều hiệu 555, ký hiệu M1).

Ngày 26 tháng 11 năm 2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P tiến hành kiểm tra và bắt giữ T tại phòng số 204, nhà nghỉ B. Tại Cơ quan điều tra T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tang vật thu giữ trong quá trình bắt Phạm Phước T gồm có:

1. Thu giữ và niêm phong trong hộp giấy màu vàng:

- 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng có ký hiệu TMA18K (ký hiệu M2.1);
- 01 tấm lắc kim loại màu vàng có ký hiệu *K Hoàng* 610 (ký hiệu M2.2);
- 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng có cần nhiều hột màu trắng (ký hiệu M2.3).

2. Thu giữ và niêm phong trong hộp giấy Viettel:

- 01 tấm lắc kim loại màu vàng có ký hiệu *K Hoàng* 610 (ký hiệu M3.1);
- 01 tấm lắc kim loại màu vàng có ký hiệu TH-18K (ký hiệu M3.2);
- 01 tấm lắc kim loại màu vàng có ký hiệu *K.H* 610 (ký hiệu M3.3);
- 01 tấm lắc kim loại màu vàng có ký hiệu *K Hoàng* 610 (ký hiệu M3.4);
- 01 tấm lắc kim loại màu vàng có ký hiệu *K Hoàng* 610 (ký hiệu M3.5);
- 01 tấm lắc kim loại màu vàng có ký hiệu *K Hoàng* 610 (ký hiệu M3.6);
- 01 tấm lắc kim loại màu vàng có ký hiệu *K Hoàng* 610 (ký hiệu M3.7);
- 01 tấm lắc kim loại màu vàng có ký hiệu *K Hoàng* 610 (ký hiệu M3.8);
- 01 tấm lắc kim loại màu vàng có ký hiệu *K Hoàng* 610 (ký hiệu M3.9);
- 01 tấm lắc kim loại màu vàng có ký hiệu *K.H* 610 (ký hiệu M3.10);
- 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng có ký hiệu *K Hoàng* 610 (ký hiệu M3.11);
- 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng có ký hiệu *K Hoàng* 610 (ký hiệu M3.12);
- 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng có ký hiệu *K Hoàng* 610 (ký hiệu M3.13);
- 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng có ký hiệu *K Hoàng* 610 (ký hiệu M3.14);
- 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng có ký hiệu *K Hoàng* 610 (ký hiệu M3.15);
- 01 sợi dây chuyền kim loại màu trắng có ký hiệu D (ký hiệu M3.16);
- 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng có cần nhiều hột trắng, vàng (ký hiệu M3.17);
- 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng có cần hột màu vàng *K Hoàng* 610 (ký hiệu M3.18);
- 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng có cần hột màu đen có ký hiệu *K.H* 610 (ký hiệu M3.19);

- 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng có cần hột màu trắng, đỏ có ký hiệu *K Hoàng* 610 (ký hiệu M3.20);
- 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng có cần hột màu trắng có ký hiệu *K Hoàng* 610 (ký hiệu M3.21);
- 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng có cần hột màu trắng, đỏ có ký hiệu *K Hoàng* 610 (ký hiệu M3.22);
- 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng có cần hột màu trắng, đỏ có ký hiệu *K H1* 610 và UHA (ký hiệu M3.23);
- 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng có cần hột màu trắng, đỏ (ký hiệu M3.24);
- 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng có cần hột màu trắng (ký hiệu M3.25);
- 01 bộ vòng kim loại màu vàng gồm 07 chiếc có ký hiệu *K.H* 610 (ký hiệu M3.26);
- 01 bộ vòng kim loại màu vàng gồm 06 chiếc có ký hiệu *K Hoàng* 610 (ký hiệu M3.27);
- 02 chiếc vòng kim loại màu vàng có ký hiệu K.H* 610 (ký hiệu M3.28).

Tại Kết luận giám định số 1482/KL-KTHS ngày 08 tháng 4 năm 2024 của Phân viện Khoa học hình sự – Bộ C tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

- Mẫu ký hiệu M1 gửi giám định có khối lượng 67,8290 gam được mạ một lớp kim loại vàng (Au) rất mỏng, không xác định được hàm lượng, có thành phần kim loại là: Đồng (Cu) và Thiếc (Sn), hàm lượng Đồng 87,01% và Thiếc là 12,69%.

- Mẫu ký hiệu M2.1 gửi giám định có khối lượng 69,3368 gam được mạ một lớp kim loại vàng (Au) rất mỏng, không xác định được hàm lượng, có thành phần kim loại là: Đồng (Cu) và Thiếc (Sn), hàm lượng Đồng 84,94% và Thiếc là 14,31%.

- Mẫu ký hiệu M2.2 gửi giám định có khối lượng 175,8557 gam được mạ một lớp kim loại vàng (Au) rất mỏng, không xác định được hàm lượng, có thành phần kim loại là: Đồng (Cu) và Kẽm (Zn), hàm lượng Đồng 78,94% và Kẽm (Zn) là 19,22%.

- Mẫu ký hiệu M2.3 gửi giám định có khối lượng 69,3368 gam (bao gồm các hột đá) được mạ một lớp kim loại vàng (Au) rất mỏng, không xác định được hàm lượng, có thành phần kim loại là: Đồng (Cu) và Kẽm (Zn), hàm lượng Đồng 89,68% và Kẽm (Zn) là 5,07%.

- 27 mẫu ký tự từ M3.1 đến M3.15 và M3.17 đến M3.28 gửi giám định được mạ một lớp kim loại vàng (Au) rất mỏng, không xác định được hàm lượng, có thành phần kim loại là: Đồng (Cu), Kẽm (Zn) và Thiếc (Sn).

- Mẫu ký hiệu M3.16 gửi giám định có khối lượng 42,1102 gam không chứa thành phần kim loại Vàng (Au), thành phần kim loại Bạc (Ag), hàm lượng 90,81%, Đồng (Cu) hàm lượng 3,48% và Kẽm (Zn) hàm lượng 5,30%.

- Hiện tại, phân viện không đủ điều kiện, phương tiện để giám định các loại đá, trang sức nên không trả lời theo yêu cầu “Những hột màu trắng, đen, vàng, đỏ được cân lên từng mẫu gửi giám định có phải là kim cương hay không?” của Cơ quan Cảnh sát điều tra.

- Kèm theo kết luận giám định: Không.

- Hoàn lại mẫu vật gửi giám định: Mẫu còn lại sau giám định có khối lượng: Mẫu M1 là 67, 8287gam, Mẫu M2.1 là 69,3363 gam, Mẫu M2.2 là 175,8549 gam, Mẫu M3.16 là 42,1098 gam. Các mẫu M3.1 đến M3.15 và M3.17 đến M3.28 ghi trong kết luận.

Vụ thứ hai: Khoảng 16 giờ, ngày 20 tháng 11 năm 2023, T đến nhà của Trần Ngọc H2 (số I, khu V, phường B, quận B, thành phố Cần Thơ) để uống rượu cùng người bạn tên Q (chưa rõ nhân thân lai lịch). Trong lúc uống rượu, Q thấy T đeo sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, kí hiệu 18K TMA18k, *K Hoàng* 610 nên nói với T cho Q mượn sợi dây chuyền để đi cầm lấy tiền tiêu xài cá nhân, T đồng ý. Sau đó, T điều khiển xe mô tô hiệu SUZUKI màu đỏ, trắng, biển số kiểm soát 59G1-733.79, Q điều khiển xe mô tô hiệu Wave, không rõ biển kiểm soát đến tiệm cầm đồ Ngọc H3 (địa chỉ: Số A, đường B, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ), khi đến nơi T đứng bên ngoài, Q mang sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng vào tiệm gặp bà Cao Hồng S1 (là chủ tiệm cầm đồ Ngọc H3) để cầm, bà S1 xem sợi dây chuyền và đồng ý cầm với số tiền 17.000.000 đồng, sau đó làm thủ tục cầm đồ và đưa cho Q số tiền 17.000.000 đồng, Q giữ lại 7.000.000 đồng và đưa T 10.000.000 đồng.

Đến ngày 30 tháng 11 năm 2023, ông Nguyễn Văn H (là chồng của bà S1) kiểm tra thì phát hiện sợi dây chuyền là vàng giả nên đến Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an quận B, thành phố Cần Thơ trình báo và giao sợi dây chuyền cho Cơ quan điều tra.

Tại Kết luận giám định số 1848/KL-KTHS ngày 22 tháng 3 năm 2024 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh – Bộ C kết luận:

Một sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, khối lượng 23,7811 gam được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là Đồng (Cu), Kẽm (Z) và Thiếc (Sn). Hàm lượng Đồng 87,47%, Kẽm 8,14% và Thiếc là 3,97%.

Hoàn lại mẫu vật gửi giám định: Mẫu kim loại còn lại sau giám định được niêm phong, có khối lượng: 23,7751 gam.

Vật chứng trong vụ án do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P thu giữ của Phạm Phước T và nhập kho vật chứng gồm:

- Tiền Việt Nam 1.800.000 đồng;
- 01 điện thoại di động Iphone màu trắng IMEI 352023066032968;
- 01 xe mô tô Suzuki, biển số kiểm soát 59G1- 733.79;
- 01 giấy bán xe Suzuki, biển số kiểm soát 59G1- 733.79;

- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe Suzuki, biển số kiểm soát 59G1- 733.79;
- 01 giấy biên nhận cầm đồ Mỹ Duyên trên giấy cầm 01 sợi dây chuyền giá 12.000.000 đồng;
- 01 sợi dây chuyền màu vàng, ký hiệu ký hiệu *K.H* 610 (vàng giả) để trong gói thuốc 555 (ký hiệu M1).
- 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng có ký hiệu TMA18K (ký hiệu M2.1);
- 01 tấm lắc kim loại màu vàng có ký hiệu *K Hoàng* 610 (ký hiệu M2.2);
- 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng có cấn nhiều hột màu trắng (ký hiệu M2.3);
- 01 tấm lắc kim loại màu vàng có ký hiệu *K Hoàng* 610 (ký hiệu M3.1);
- 01 tấm lắc kim loại màu vàng có ký hiệu TH-18K (ký hiệu M3.2);
- 01 tấm lắc kim loại màu vàng có ký hiệu *K.H* 610 (ký hiệu M3.3);
- 01 tấm lắc kim loại màu vàng có ký hiệu *K Hoàng* 610 (ký hiệu M3.4);
- 01 tấm lắc kim loại màu vàng có ký hiệu *K Hoàng* 610 (ký hiệu M3.5);
- 01 tấm lắc kim loại màu vàng có ký hiệu *K Hoàng* 610 (ký hiệu M3.6);
- 01 tấm lắc kim loại màu vàng có ký hiệu *K Hoàng* 610 (ký hiệu M3.7);
- 01 tấm lắc kim loại màu vàng có ký hiệu *K Hoàng* 610 (ký hiệu M3.8);
- 01 tấm lắc kim loại màu vàng có ký hiệu *K Hoàng* 610 (ký hiệu M3.9);
- 01 tấm lắc kim loại màu vàng có ký hiệu *K.H* 610 (ký hiệu M3.10);
- 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng có ký hiệu *K Hoàng* 610 (ký hiệu M3.11);
- 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng có ký hiệu *K Hoàng* 610 (ký hiệu M3.12);
- 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng có ký hiệu *K Hoàng* 610 (ký hiệu M3.13);
- 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng có ký hiệu *K Hoàng* 610 (ký hiệu M3.14);
- 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng có ký hiệu *K Hoàng* 610 (ký hiệu M3.15);
- 01 sợi dây chuyền kim loại màu trắng có ký hiệu D (ký hiệu M3.16);
- 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng có cấn nhiều hột trắng, vàng (ký hiệu M3.17);

- 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng có cần hột màu vàng *K Hoàng* 610 (ký hiệu M3.18);
- 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng có cần hột màu đen có ký hiệu *K.H* 610 (ký hiệu M3.19);
- 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng có cần hột màu trắng, đỏ có ký hiệu *K Hoàng* 610 (ký hiệu M3.20);
- 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng có cần hột màu trắng có ký hiệu *K Hoàng* 610 (ký hiệu M3.21);
- 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng có cần hột màu trắng, đỏ có ký hiệu *K Hoàng* 610 (ký hiệu M3.22);
- 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng có cần hột màu trắng, đỏ có ký hiệu *K H1* 610 và UHA (ký hiệu M3.23);
- 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng có cần hột màu trắng, đỏ (ký hiệu M3.24);
- 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng có cần hột màu trắng (ký hiệu M3.25);
- 01 bộ vòng kim loại màu vàng gồm 07 chiếc có ký hiệu *K.H* 610 (ký hiệu M3.26);
- 01 bộ vòng kim loại màu vàng gồm 06 chiếc có ký hiệu *K Hoàng* 610 (ký hiệu M3.27);
- 02 chiếc vòng kim loại màu vàng có ký hiệu K.H* 610 (ký hiệu M3.28);
- 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, kí hiệu 18K TMA18k, *K Hoàng* 610 (vụ thứ 2).

Tại Cáo trạng số 63/CT-VKS-HPH ngày 11 tháng 8 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, đã truy tố Phạm Phước T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo Cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất, mức độ phạm tội; nhân thân; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Phước T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, các điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Phạm Phước T từ 03 năm 09 tháng đến 04 năm 09 tháng tù.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015; các điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo Phạm Phước T trả lại cho: Ông Nguyễn Ngọc S và bà Lâm Ngọc Đ số tiền là 50.000.000 đồng; ông Nguyễn Văn H và bà Cao Hồng S1 số tiền là 17.000.000 đồng.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

4.1. Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước:

- Tiền Việt Nam: 1.800.000 đồng;
- 01 điện thoại di động Iphone màu trắng IMEI 352023066032968;
- 01 xe mô tô Suzuki, biển số kiểm soát 59G1- 733.79;
- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe Suzuki, biển số kiểm soát 59G1- 733.79.

4.2. Tịch thu tiêu hủy:

- 01 giấy bán xe Suzuki, biển số kiểm soát 59G1- 733.79;
- 01 giấy biên nhận cầm đồ Mỹ Duyên trên giấy cầm 01 sợi dây chuyền giá 12.000.000 đồng;
- 01 sợi dây chuyền màu vàng, ký hiệu ký hiệu *K.H* 610 (vàng giả) để trong gói thuốc 555 (ký hiệu M1);
- 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng có ký hiệu TMA18K (ký hiệu M2.1);
- 01 tấm lắc kim loại màu vàng có ký hiệu *K Hoàng* 610 (ký hiệu M2.2);
- 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng có cấn nhiều hột màu trắng (ký hiệu M2.3);
- 01 tấm lắc kim loại màu vàng có ký hiệu *K Hoàng* 610 (ký hiệu M3.1);
- 01 tấm lắc kim loại màu vàng có ký hiệu TH-18K (ký hiệu M3.2);
- 01 tấm lắc kim loại màu vàng có ký hiệu *K.H* 610 (ký hiệu M3.3);
- 01 tấm lắc kim loại màu vàng có ký hiệu *K Hoàng* 610 (ký hiệu M3.4);
- 01 tấm lắc kim loại màu vàng có ký hiệu *K Hoàng* 610 (ký hiệu M3.5);
- 01 tấm lắc kim loại màu vàng có ký hiệu *K Hoàng* 610 (ký hiệu M3.6);
- 01 tấm lắc kim loại màu vàng có ký hiệu *K Hoàng* 610 (ký hiệu M3.7);
- 01 tấm lắc kim loại màu vàng có ký hiệu *K Hoàng* 610 (ký hiệu M3.8);
- 01 tấm lắc kim loại màu vàng có ký hiệu *K Hoàng* 610 (ký hiệu M3.9);
- 01 tấm lắc kim loại màu vàng có ký hiệu *K.H* 610 (ký hiệu M3.10);
- 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng có ký hiệu *K Hoàng* 610 (ký hiệu M3.11);
- 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng có ký hiệu *K Hoàng* 610 (ký hiệu M3.12);

- 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng có ký hiệu *K Hoàng* 610 (ký hiệu M3.13);
- 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng có ký hiệu *K Hoàng* 610 (ký hiệu M3.14);
- 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng có ký hiệu *K Hoàng* 610 (ký hiệu M3.15);
- 01 sợi dây chuyền kim loại màu trắng có ký hiệu D (ký hiệu M3.16);
- 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng có cấn nhiều hột trắng, vàng (ký hiệu M3.17);
- 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng có cấn hột màu vàng *K Hoàng* 610 (ký hiệu M3.18);
- 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng có cấn hột màu đen có ký hiệu *K.H* 610 (ký hiệu M3.19);
- 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng có cấn hột màu trắng, đỏ có ký hiệu *K Hoàng* 610 (ký hiệu M3.20);
- 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng có cấn hột màu trắng có ký hiệu *K Hoàng* 610 (ký hiệu M3.21);
- 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng có cấn hột màu trắng, đỏ có ký hiệu *K Hoàng* 610 (ký hiệu M3.22);
- 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng có cấn hột màu trắng, đỏ có ký hiệu *K H1* 610 và UHA (ký hiệu M3.23);
- 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng có cấn hột màu trắng, đỏ (ký hiệu M3.24);
- 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng có cấn hột màu trắng (ký hiệu M3.25);
- 01 bộ vòng kim loại màu vàng gồm 07 chiếc có ký hiệu *K.H* 610 (ký hiệu M3.26);
- 01 bộ vòng kim loại màu vàng gồm 06 chiếc có ký hiệu *K Hoàng* 610 (ký hiệu M3.27);
- 02 chiếc vòng kim loại màu vàng có ký hiệu K.H* 610 (ký hiệu M3.28);
- 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, kí hiệu 18K TMA18k, *K Hoàng* 610.

Tại phiên tòa,

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và xin xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại Lâm Ngọc Đ yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 50.000.000 đồng và đề nghị xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị hại Nguyễn Ngọc S và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt; các bị hại Cao Hồng S1 và Nguyễn Văn H đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, đồng thời sự vắng mặt của các bị hại và các đương sự này không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị hại và đương sự trên theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời thừa nhận của bị cáo tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác; phù hợp kết quả giám định và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa hôm nay. Từ đó đã có cơ sở kết luận:

Trong các ngày 19 và 20 tháng 11 năm 2023, bị cáo Phạm Phước T đã thực hiện 02 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn tỉnh Hậu Giang và thành phố Cần Thơ, với phương thức sử dụng các loại trang sức vàng giả mang đến các tiệm vàng cầm cố để lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Với phương thức trên, ngày 19 tháng 11 năm 2023, bị cáo đã cầm sợi dây chuyền màu vàng, ký hiệu *K.H* 610 cho tiệm V (thuộc ấp L, xã L, huyện P, tỉnh Hậu Giang - do bà Lâm Ngọc Đ làm chủ) lấy số tiền 50.000.000 đồng tiêu xài cá nhân. Đến ngày 20 tháng 11 năm 2023, bị cáo tiếp tục cầm sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, ký hiệu 18K TMA18k, *K Hoàng* 610 cho tiệm cầm đồ Ngọc H3 (địa chỉ: Số A, đường B, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ – do bà Cao Hồng S1 làm chủ) lấy số tiền 17.000.000 đồng tiêu xài cá nhân. Đối với đối tượng tên Q, qua lời khai của bà Cao Hồng S1 và ông Nguyễn Văn H không chứng minh được có đồng phạm với bị cáo trong vụ thứ hai.

Hành vi trên của bị cáo là sử dụng thủ đoạn gian dối bằng việc sử dụng dây chuyền bằng kim loại màu vàng giống vàng thật hoặc có mạ một lớp vàng mỏng, nhằm làm cho các bị hại tin tưởng đó là vàng thật để thực hiện giao dịch cầm cố tài sản và giao tiền cho bị cáo chiếm đoạt. Hành vi của bị cáo đã cố ý trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 67.000.000 đồng. Do đó, hành vi của bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với tình tiết định khung là “Chiếm đoạt tài sản trị giá 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng”, tội phạm và hình

phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Về tính chất, mức độ phạm tội và phương thức, thủ đoạn phạm tội của bị cáo:

Để thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã đặt mua trang sức như dây chuyền, nhẫn vàng giả hoặc có thành phần chủ yếu là Đồng, Thiếc và Kẽm, có mạ một lớp vàng mỏng làm cho người khác lầm tưởng là trang sức bằng vàng thật. Sau đó, bị cáo đã lợi dụng sự thiếu am hiểu và mất cảnh giác của bị hại, sử dụng các trang sức vàng giả này đem cầm cố cho các bị hại để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Với phương thức, thủ đoạn này, bị cáo đã thực hiện 02 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên các địa bàn huyện P, tỉnh Hậu Giang và quận B, thành phố Cần Thơ, chiếm đoạt tài sản có tổng trị giá là 67.000.000 đồng. Phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương.

Ngoài ra, theo hồ sơ vụ án thể hiện bị cáo còn thực hiện 02 vụ lừa đảo khác tại địa bàn quận N, thành phố Cần Thơ, với phương thức và thủ đoạn tương tự. Tuy nhiên, do thẩm quyền khởi tố vụ án nên Cơ quan điều tra Công an huyện P không khởi tố, điều tra các hành vi này.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản 02 lần, mỗi lần thực hiện hành vi đều có đủ yếu tố cấu thành tội phạm; đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý quy định tại khoản 1 Điều 53 của Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó, bị cáo phải chịu 02 tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” và “Tái phạm” theo quy định tại các điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cho bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[7] Từ những phân tích về tính chất, mức độ phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo; quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

Bị cáo có nhân thân rất xấu, vừa có tiền án, tiền sự, vừa đã từng có 02 tiền án đã được xóa án tích; bị cáo phải chịu 02 tình tiết tăng nặng nhưng chỉ được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ; xét bị cáo đã 03 lần bị xét xử và đều bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn, nhưng bị cáo không biết ăn năn, hối cải mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội với tính chất, mức độ nghiêm trọng hơn. Do đó, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn nghiêm khắc mới đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo. Với mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị là phù

hợp với tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo phải có nghĩa vụ trả lại số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại, cụ thể: Trả lại cho ông Nguyễn Ngọc S và bà Lâm Ngọc Đ số tiền là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng); trả lại cho ông Nguyễn Văn H và bà Cao Hồng S1 số tiền là 17.000.000 đồng (mười bảy triệu đồng).

[9] Về vật chứng:

Đối với các vật chứng là: 1.800.000 đồng tiền Việt Nam; 01 điện thoại di động Iphone màu trắng, số IMEI: 352023066032968; 01 xe mô tô Suzuki, biển số kiểm soát 59G1- 733.79; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe Suzuki, biển số kiểm soát 59G1- 733.79 là công cụ, phương tiện sử dụng phạm tội và do phạm tội mà có nên cần tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước.

Đối với các vật chứng là vàng, trang sức giả do bị cáo đặt mua nhằm mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tuy các vật chứng này cũng có giá trị, nhưng xét giá trị không lớn, đồng thời nếu tuyên tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước thì các vật chứng này sẽ được đem ra đấu giá, vô hình chung sẽ tạo điều kiện cho tội phạm sử dụng những vật chứng này thực hiện hành vi phạm tội, gây hệ lụy lớn hơn cho xã hội. Do đó, cần tịch thu tiêu hủy.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Về các vấn đề khác: Đối với hành vi của bị cáo, lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà Lưu Huệ L1 và ông Nguyễn Dũng T1. Xét hành vi này của bị cáo xảy ra trên địa bàn quận N, thành phố Cần Thơ; quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung, yêu cầu Cơ quan điều tra nơi phát hiện tội phạm điều tra làm rõ. Tuy nhiên, Cơ quan điều tra Công an quận N có văn bản trả lời vụ việc đã được tạm đình chỉ theo quy định; Cơ quan điều tra Công an huyện P không tiến hành điều tra, Viện kiểm sát không truy tố. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 298 của Bộ luật tố tụng hình sự, không đặt ra xem xét những hành vi mà Viện kiểm sát không truy tố.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Phước T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, các điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Phạm Phước T 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày 26 tháng 11 năm 2023.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các điều 584, 585, 586 và 590 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Bị cáo Phạm Phước T có nghĩa vụ trả lại cho: Ông Nguyễn Ngọc S và bà Lâm Ngọc Đ số tiền là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng); ông Nguyễn Văn H và bà Cao Hồng S1 số tiền là 17.000.000 đồng (mười bảy triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

4.1. Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước: 1.800.000 đồng (một triệu tám trăm nghìn đồng) tiền Việt Nam; 01 điện thoại di động Iphone màu trắng, số IMEI: 352023066032968; 01 xe mô tô Suzuki, biển số kiểm soát 59G1- 733.79; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe Suzuki, biển số kiểm soát 59G1- 733.79.

4.2. Tịch thu tiêu hủy: 01 giấy bán xe Suzuki, biển số kiểm soát 59G1- 733.79; 01 giấy biên nhận cầm đồ Mỹ Duyên trên giấy cầm 01 sợi dây chuyền giá 12.000.000 đồng; 01 sợi dây chuyền màu vàng, ký hiệu ký hiệu *K.H* 610 (vàng giả) để trong gói thuốc 555 (ký hiệu M1); 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng có ký hiệu TMA18K (ký hiệu M2.1); 01 tấm lắc kim loại màu vàng có ký hiệu *K Hoàng* 610 (ký hiệu M2.2); 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng có cán nhiều hột màu trắng (ký hiệu M2.3); 01 tấm lắc kim loại màu vàng có ký hiệu *K Hoàng* 610 (ký hiệu M3.1); 01 tấm lắc kim loại màu vàng có ký hiệu TH-18K (ký hiệu M3.2); 01 tấm lắc kim loại màu vàng có ký hiệu *K.H* 610 (ký hiệu M3.3); 01 tấm lắc kim loại màu vàng có ký hiệu *K Hoàng* 610 (ký hiệu M3.4); 01 tấm lắc kim loại màu vàng có ký hiệu *K Hoàng* 610 (ký hiệu M3.5); 01 tấm lắc kim loại màu vàng có ký hiệu *K Hoàng* 610 (ký hiệu M3.6); 01 tấm lắc kim loại màu vàng có ký hiệu *K Hoàng* 610 (ký hiệu M3.7); 01 tấm lắc kim loại màu vàng có ký hiệu *K Hoàng* 610 (ký hiệu M3.8); 01 tấm lắc kim loại màu vàng có ký hiệu *K Hoàng* 610 (ký hiệu M3.9); 01 tấm lắc kim loại màu vàng có ký hiệu *K.H* 610 (ký hiệu M3.10); 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng có ký hiệu *K Hoàng* 610 (ký hiệu M3.11); 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng có ký hiệu *K Hoàng* 610 (ký hiệu M3.12); 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng có ký hiệu *K Hoàng* 610 (ký hiệu M3.13); 01 sợi dây

chuyên kim loại màu vàng có ký hiệu *K Hoàng* 610 (ký hiệu M3.14); 01 sợi dây chuyên kim loại màu vàng có ký hiệu *K Hoàng* 610 (ký hiệu M3.15); 01 sợi dây chuyên kim loại màu trắng có ký hiệu D (ký hiệu M3.16); 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng có cần nhiều hột trắng, vàng (ký hiệu M3.17); 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng có cần hột màu vàng *K Hoàng* 610 (ký hiệu M3.18); 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng có cần hột màu đen có ký hiệu *K.H* 610 (ký hiệu M3.19); 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng có cần hột màu trắng, đỏ có ký hiệu *K Hoàng* 610 (ký hiệu M3.20); 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng có cần hột màu trắng có ký hiệu *K Hoàng* 610 (ký hiệu M3.21); 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng có cần hột màu trắng, đỏ có ký hiệu *K Hoàng* 610 (ký hiệu M3.22); 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng có cần hột màu trắng, đỏ có ký hiệu *K H1* 610 và UHA (ký hiệu M3.23); 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng có cần hột màu trắng, đỏ (ký hiệu M3.24); 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng có cần hột màu trắng (ký hiệu M3.25); 01 bộ vòng kim loại màu vàng gồm 07 chiếc có ký hiệu *K.H* 610 (ký hiệu M3.26); 01 bộ vòng kim loại màu vàng gồm 06 chiếc có ký hiệu *K Hoàng* 610 (ký hiệu M3.27); 02 chiếc vòng kim loại màu vàng có ký hiệu K.H* 610 (ký hiệu M3.28); 01 sợi dây chuyên bằng kim loại màu vàng, kí hiệu 18K TMA18k, *K Hoàng* 610.

5. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; các điều 21, 23 và 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bị cáo Phạm Phước T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 3.350.000 đồng (ba triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hậu Giang;
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND H.Phụng Hiệp;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- CA H.Phụng Hiệp (03 bản: Văn Phòng, CQĐT, THAHS);
- Chi cục THADS H.Phụng Hiệp;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

Hồ Hữu Thắng